

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục nguồn nước phải
lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 294/TTr-STNMT ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum cụ thể như sau:

1. Danh mục hệ thống sông, suối: 364 công trình.
2. Hồ chứa thủy lợi: 17 hồ chứa.
3. Hồ chứa thủy điện: 12 hồ chứa.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

4. Kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác do ngân sách nhà nước đảm bảo (*gồm: ngân sách địa phương, hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật*).

- Đối với kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện do các tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện đảm bảo thực hiện.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ đã phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo, hướng dẫn tới Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định; niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có

nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; tổ chức tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn và phương án, kinh phí cắm mốc chi tiết theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, NN5



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy

DANH MỤC
NGUỒN NƯỚC PHẢI LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số **865/QĐ-UBND**, ngày **01** tháng **9** năm 2017 của UBND tỉnh Kon Tum)

| I. Địa bàn thành phố Kon Tum | | | | | | | |
|-------------------------------------|------------------|---------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------------|--|---|
| 1. Danh mục sông, suối | | | | | | | |
| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Đoạn sông | | Chiều dài (Km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Krông Pơ Cô | Xã Kroong | Thôn 5 (Hà Môn Kton), xã Kroong | Thôn 3 (Kroong Ktu), xã Kroong | 6.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Suối Cầu 1 | Xã Kroong | Thôn 2, xã Kroong | Thôn Trung Nghĩa, xã Kroong | 4.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đá | Xã Kroong | Thôn Trung Nghĩa, xã Kroong | Hồ Sa Men, xã Kroong | 3.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đá | Xã Kroong | Hồ Sa Men, xã Kroong | Hồ Sa Men, xã Kroong | 5.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Đắk Kle | Xã Ngọc Bay | Giáp thôn 9, xã Đắk La, huyện Đắk Hà | Thôn Đắk Klếch, xã Ngọc Bay | 9.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Kơ Năng | Xã Ngọc Bay | Thôn Măng La, xã Ngọc Bay | Thôn Măng La, xã Ngọc Bay | 0.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|----------------|---|---|------|--|--|
| 7 | Suối Đăk Kơ Nông | Xã Ngọc Bay | Thôn Lê Kô Năng, xã Ngọc Bay | Thôn Diê Kô Năng, xã Ngọc Bay | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối Đăk Cầm | Xã Vinh Quang | Thôn Phương Quy 1, xã Vinh Quang | Thôn Phương Quy 1, xã Vinh Quang | 0.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Suối Đăk Kơ Nông | Xã Vinh Quang | Thôn Kon Hong Klăh, xã Vinh Quang | Thôn Kon Hong Klăh, xã Vinh Quang | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Đăk Tư Wak | Xã Vinh Quang | Hồ Tô Huýt, xã Vinh Quang và Phường Ngô Mây | Thôn Trung Thành, xã Vinh Quang | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Rờ Rê | Xã Vinh Quang | Thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang | Thôn Kon Rơ Bàng 1, xã Vinh Quang | 1.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đăk Cầm | Phường Ngô Mây | Giáp làng Yang Ron, xã Đăk Cầm | Giáp Thôn Kon Hơn Go Kơ Tu, xã Vinh Quang | 16.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Sông Đăk Lap | Phường Ngô Mây | Thôn Thành Trung, phường Ngô Bay | Thôn Thành Trung, phường Ngô Bay | 0.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối Đăk Tư Wak | Phường Ngô Mây | Hồ Tô Huýt xã Vinh Quang và phường Ngô Mây | Giáp Thôn Trung Thành, xã Vinh Quang | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|------------------------------------|--|--|------|--|--|
| 15 | Suối Đắc Tơ Reh | Phường Ngô Mây; Phường Quang Trung | Địa giới giữa phường Ngô Mây và phường Quang Trung | Địa giới giữa phường Ngô Mây và phường Quang Trung | 1.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Suối Đắc Cẩm | Xã Đắc Cẩm | Giáp Xã Ngọc Wang, huyện Đắc Hà | Thôn Yang Ron, xã Đắc Cẩm | 15.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Suối Đắc Lay | Xã Đắc Cẩm | Hồ Đắc Loy, xã Đắc Cẩm | Thôn 6, xã Đắc Cẩm | 12.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đắc Joong | Xã Đắc Cẩm | Thôn Kon Hơ Rê, xã Ngọk Ráo, huyện Đắc Hà | Hồ Đắc Loy, xã Đắc Cẩm | 8.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối Đắc Lay | Phường Duy Tân | Thôn 6, xã Đắc Cẩm | Trại giam phường Duy Tân | 1.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Đắc Cẩm | Phường Duy Tân | Trại giam phường Duy Tân | Cầu Đắc Cẩm | 0.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Đắc Tơ Rek | Phường Duy Tân | phường Duy Tân | phường Duy Tân | 5.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Sông Đắc Bla | Phường Thống Nhất | Thôn Kon Hra Chốt, phường Thống Nhất | Thôn Kon Tam Kơ Năm, phường Thống Nhất | 4.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|---------------------|---|--|------|--|--|
| 23 | Sông Đăk Bla | Phường Thăng Lợi | Giáp Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | Thôn Kon Kpong, phường Thăng Lợi | 5.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 24 | Sông Đăk Bla | Phường Trường Chinh | Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | 0.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Suối Đăk Cha Mon | Phường Trường Chinh | Thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 2, Phường Trường Chinh | Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | 3.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Sông Đăk Bla | Xã Đăk Blà | Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà | Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | 15.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Suối Đăk Cha Mon | Xã Đăk Blà | Thôn 9, Phường Ngô Mây | Kon Mơ Nay Sơ Lam 1, phường Trường Chinh | 4.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Suối Kon Hring | Xã Đăk Blà | Thôn Đăk Hà, xã Đăk Blà | Thôn Kon Drel | 5.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối Đăk Tre | Xã Đăk Blà | Thôn Đăk Hưng, xã Đăk Blà | Thôn Kon Sơ Drel, xã Đăk Blà | 5.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Kon Sơ deh | Xã Đăk Blà | Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà | Thôn Kon Sơ Dreh Plong, xã Đăk Blà | 5.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|--------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------|--|--|
| 31 | Sông Đăk Bla | Xã Đăk Rơ Wa | Thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa | Kon Tum Kơ Năm 2, xã Đăk Rơ Wa | 19.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 32 | Suối Kon Klor 2 | Xã Đăk Rơ Wa | Đập Đăk Roa, xã Đăk Rơ Wa | Kon Tum Kơ Pong 2, xã Đăk Rơ Wa | 5.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 33 | Suối Đăk Ator | Xã Đăk Rơ Wa | Thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa | Thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa | 6.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 34 | Suối Đăk Ke Nor | Xã Chư Hreng | Làng Plei Rơ Hai 2, Phường Lê Lợi | Thôn 4, xã Chư Hreng | 10.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 35 | Suối Kon Hra Ktu | Xã Chư Hreng | Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng | Thôn 4, xã Chư Hreng | 15.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 36 | Sông Đăk Ke Nor | Phường Lê Lợi | Plei Rơ Hai 2, phường Lê Lợi | Giáp thôn 3, phường Nguyễn Trãi | 7.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 37 | Suối Ia TCha | Phường Nguyễn Trãi | Giáp thôn 1, phường Trần Hưng Đạo | Giáp thôn 4, xã Đoàn Kết | 3.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|----------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|------|--|---|
| 38 | Suối Đắc Yeul | Phường Trần Hưng Đạo | Hồ chứa Đắc Yên, xã Hòa Bình | Thôn 8, phường Trần Hưng Đạo | 2.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 39 | Suối Ia TCha | Phường Trần Hưng Đạo | Thôn 8, phường Trần Hưng Đạo | Thôn 1, phường Trần Hưng Đạo | 2.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 40 | Suối Đắc Kenor | Phường Trần Hưng Đạo | Thôn 3, phường Trần Hưng Đạo | Thôn 2, phường Trần Hưng Đạo | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 41 | Suối Ia TCha | Xã Hòa Bình | Thôn 8, phường Trần Hưng Đạo | Thôn 8, xã Hòa Bình | 3.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 42 | Suối Đắc Yeul | Xã Hòa Bình | Hồ chứa Đắc Yên, xã Hòa Bình | Thôn 8, xã Hòa Bình | 3.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 43 | Suối Đắc Kenor | Xã Hòa Bình | Thôn 4, xã Hòa Bình | Thôn 2, phường Trần Hưng Đạo | 10.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 44 | Suối Đắc Bron | Xã Ia Chim | Thôn Plei Weh, xã Ia Chim | Hồ Ia Ly, xã Ia Chim | 8.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 45 | Suối Đắc Năng | Xã Ia Chim | Thôn Plei Kơ Lay, xã Ia Chim | Hồ Ia Ly, xã Ia Chim | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số |

| | | | | | | | |
|-------------|----------------------|----------------|---------------------------------|--------------------------|--------------|---|---|
| | | | | | | | 43/2015/NĐ-CP) |
| 46 | Suối Klâu Ngọc Yơ | Xã Đắk Năng | Hồ Gia Kim, xã Đắk Năng | Hồ Ia Ly, xã Đắk Năng | 1.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 47 | Suối Đắk Năng | Xã Đắk Năng | Thôn Plei Kơ Lay, xã Ia Chim | Hồ Ia Ly, xã Đắk Năng | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 48 | Sông Ia TCha | Xã Đoàn Kết | Thôn 4, xã Đoàn Kết | Thôn 4, xã Đoàn Kết | 2.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 263.0 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| STT | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|--------------------|--|------------------------------|--------------------------------------|--|--|---------------------------|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Thủy điện Ia Ly | Các xã: Ia Chim, Đắk Năng, Kroong, Ngọc Bay, Vinh Quang, Đoàn Kết và các phường: Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Quang Trung, Thông Nhất, Quyết Thắng | 7455 | 1037.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ- CP | Công ty thủy điện IaLy |

| | | | | | | | |
|--------------------|-----------------------|--------------------------|------|--------|---|---|---|
| 2 | Thủy điện PleiKrông | Xã Kroong | 3216 | 1048.7 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty thủy điện IaLy |
| Hồ thủy lợi | | | | | | | |
| 1 | Hồ Sa Men | Xã Kroong | 5.2 | 1.4 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 2 | Hồ Đăk Loy | Xã Đăk Cấm | 32 | 1.3 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 3 | Hồ chứa Đăk Chà Môn I | Các xã: Đăk Cấm, Đăk Bla | 7 | 2 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 4 | Hồ Chứa Đăk Yên | Xã Hòa Bình | 20.2 | 6.5 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 5 | Hồ Ia Bang Thượng | Xã Hòa Bình | 7.1 | 2.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |

| | | | | | | |
|-------------|--|--|----------------|----------------|------------------|--|
| | | | | | thoái nguồn nước | |
| Tổng | | | 10742.5 | 2098.59 | | |

II. Địa bàn huyện KonPlông

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Đoạn sông | | Chiều dài (Km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|-----------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|----------------|--|---|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Suối Nam Voo | Xã Đăk Nên | Thôn Tu, xã Đăk Nên | Thôn Tu Rét, xã Đăk Nên | 17.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Sông Đăk TMeo | Xã Đăk Nên | Thôn Tu Rét, xã Đăk Nên | Thôn Vương, xã Đăk Nên | 9.05 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Sông Đăk Ring | Xã Đăk Nên | Thôn Đăk Doa, xã Đăk Ring | Thôn Vương, xã Đăk Nên | 4.98 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Sông Đăk Rô Man | Xã Đăk Nên | Thôn Đăk Púk, xã Đăk Nên | Thôn Đăk Tiều, xã Đăk Nên | 2.55 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Nước Ang | Xã Đăk Nên | Thôn Đăk Púk, xã Đăk Nên | Thôn Đăk Púk, xã Đăk Nên | 0.85 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Sông Đăk Ring | Xã Đăk Ring | Thôn Đăk Doa, xã Đăk Ring | Thôn Kon Ring, xã Đăk Ring | 13.29 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 7 | Suối Đăk Sao | Xã Đăk Ring | Thôn Đăk Da, xã Đăk Ring | Thôn Tăng Pơ, xã Đăk Ring | 2.45 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|-------------|-----------------------------|----------------------------|-------|--|---|
| | | | | | | ven nguồn nước. | |
| 8 | Suối Nước Chờ | Xã Đăk Ring | Thôn Đăk Chờ, xã Đăk Ring | Thôn Tăng Sơ, xã Đăk Ring | 16.15 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 9 | Suối Nước Ang | Xã Đăk Ring | Thôn Đăk Lâng, xã Đăk Ring | Thôn Đăk Ang, xã Đăk Ring | 0.95 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 10 | Sông Đăk Rô Man | Xã Đăk Ring | Thôn Đăk Lâng, xã Đăk Ring | Thôn Điek Pe, xã Ngọc Tem | 4.98 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 11 | Sông Đăk Snghe | Xã Măng Bút | Thôn Đăk Lanh, xã Măng Bút | Thôn Long Rùa, xã Măng Bút | 33.52 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 12 | Suối Đăk Chiang | Xã Măng Bút | Thôn Đăk Y Pai, xã Măng Bút | Thôn Măng Búk, xã Măng Bút | 16 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 14 | Suối Đăk Chắt | Xã Măng Bút | Thôn Kô Chắk, xã Măng Bút | Thôn Kô Chắk, xã Măng Bút | 3.45 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 15 | Suối Đăk Giắk | Xã Măng Bút | Thôn Đăk Dắt, xã Măng Bút | Thôn Đăk Dắt, xã Măng Bút | 3.78 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 16 | Sông Đăk SNghe | Xã Đăk Tăng | Làng Rô Xia 1, xã Đăk Tăng | Thôn Vi Ring, xã Đăk Tăng | 19.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|-------|--|---|
| 17 | Suối Đák Kôi | Xã Đăk Tăng | Thôn Vi Rơ Negro, xã Đăk Tăng | Thôn Vi Rơng, xã Đăk Tăng | 14.63 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Vi Xây | Xã Đăk Tăng | Thôn Vi Xây, xã Đăk Tăng | Thôn Vi Xây, xã Đăk Tăng | 6.87 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối Đăk Rô Man | Xã Ngok Tem | Thôn Măng Nách, xã Ngok Tem | Thôn Điek Tà Âu, xã Ngok Tem | 13.66 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Nước Pét | Xã Ngok Tem | Thôn Điek Tà Âu, xã Ngok Tem | Thôn Điek Tà Âu, xã Ngok Tem | 2.49 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Đăk R' Baye | Xã Ngok Tem | Thôn Điek Kua, xã Ngok Tem | Thôn Điek Tà Cok, xã Ngok Tem | 7.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Suối Đăk Tem | Xã Ngok Tem | Thôn Điek Nót A, xã Ngok Tem | Thôn Điek Nót A, xã Ngok Tem | 0.76 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Suối Đăk Lò | Xã Ngok Tem | Thôn Điek Tà Cok, xã Ngok Tem | Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem | 17.46 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 24 | Suối Đăk La | Xã Ngok Tem | Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem | Thôn Măng Kri, xã Ngok Tem | 6.08 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Suối Đăk Chè | Xã Ngok Tem | Thôn Điek Chè, xã Ngok Tem | Thôn Điek Lò 1, xã Ngok Tem | 6.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|-------------|------------------------------|----------------------------|-------|--|---|
| | | | | | | ven nguồn nước. | |
| 26 | Suối Đắc Xiêu | Xã Pờ Ê | Thôn Vi Pờ Ê 1, xã Pờ Ê | Thôn 5Vi Pờ Ê 2, xã Pờ Ê | 3.69 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Suối La Ê | Xã Pờ Ê | Thôn Vi K Oa, xã Pờ Ê | Thôn Vi Ô Lắc, xã Pờ Ê | 8.41 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Suối Đắc Xo Rách | Xã Hiếu | Thôn Vi Glong, xã Hiếu | Thôn Vi Glong, xã Hiếu | 1.41 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối Đắc Tre | Xã Hiếu | Thôn Đắc Lom, xã Hiếu | Thôn Vi Glong, xã Hiếu | 16.91 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Nước Leng | Xã Hiếu | Thôn Kon Klung, xã Hiếu | Thôn Kon Klung, xã Hiếu | 2.07 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 31 | Suối Đắc Re | Xã Hiếu | Thôn Đắc Xô xã Hiếu | Làng Kon Plinh xã Hiếu | 20.22 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 32 | Suối Đắc Long | xã Đắc Long | Thôn Kon Chốt, xã Đắc Long | Hồ Thủy điện Đắc Pô Ne | 28.22 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 33 | Suối Măng Ke | xã Đắc Long | Thôn Kon Leng 1, xã Đắc Long | Thôn Kon Chốt, xã Đắc Long | 17.66 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|----------------|--------------|------------------------------|------------------------------|---------------|---|--|
| 34 | Suối Đák Pône | xã Đák Long | Thôn Kon Xùh, xã Đák Long | Thôn Kon Brayh, xã Đák Long | 13.06 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 35 | Suối Kon Sú | xã Đák Long | Thôn Kon Brayh, xã Đák Long | Thôn Kon Brayh, xã Đák Long | 2.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 36 | Suối Đák Ke | xã Đák Long | Trường dạy nghề xã Đák Long | Hồ Đák Ke xã Đák Long | 11.56 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. | = 20m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 37 | Suối Đák Ke | Xã Măng Cành | Thôn Măng Cành, xã Măng Cành | Thôn Măng Mỏ, xã Măng Cành | 17.79 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 38 | Suối Đák Lô | Xã Măng Cành | Thôn Kon Du | Thôn Kon Du | 3.64 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 39 | Suối Đák Ke | Xã Măng Cành | Thôn Kon Chênh, xã Măng Cành | Thôn Kon Nãng, xã Măng Cành | 12.24 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 40 | Suối Đák Snghe | Xã Măng Cành | Thôn Vi Rìng, xã Đák Tãng | Thôn Kon Tu Ma, xã Măng Cành | 9.31 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 392.94 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| STT | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|----------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|---|------------------------------------|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa thủy điện ĐăkĐrinh | Các xã: Đăk Nơn, Đăk Rìng | 912.4 | 248.5 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty Cổ phần thủy điện ĐăkĐrinh |
| Tổng | | | 912.4 | 248.5 | | | |

III. Địa bàn huyện Kon Rẫy

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Đoạn sông | | Chiều dài (Km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|----------------|---------------------|--------------------|---------------------|----------------|--|---|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Đăk Snghé | Xã Đăk Kôi | giáp xã Đăk Tăng | giáp xã Đăk Tờ Lùng | 13.77 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Sông Đăk A Kôi | Xã Đăk Kôi | Thôn 9, xã Đăk Kôi | Thôn 1, xã Đăk Kôi | 41.48 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đăk Sốt | Xã Đăk Kôi | Thôn 8, xã Đăk Kôi | Thôn 8, xã Đăk Kôi | 3.86 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số |

| | | | | | | | |
|----|----------------|----------------|-----------------------------|---------------------------|------|--|---|
| | | | | | | | 43/2015/ND-CP) |
| 4 | Suối Đák Pía | Xã Đák Kôi | Thôn 5, xã Đák Kôi | Thôn 6, xã Đák Kôi | 3.22 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 5 | Suối Đák La | Xã Đák Kôi | Thôn 2, xã Đák Kôi | Thôn 2, xã Đák Kôi | 9.49 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 6 | Suối Đák BLô | Xã Đák Kôi | Thôn 1, xã Đák Kôi | Thôn 1, xã Đák Kôi | 9.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 7 | Suối Đák Giét | Xã Đák Kôi | Thôn 1, xã Đák Kôi | Thôn 1, xã Đák Kôi | 1.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 8 | Sông Đák A Kôi | Xã Đák Tờ Lùng | Thôn 1, xã Đák Tờ Lùng | Thôn 6, xã Đák Tờ Lùng | 30.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 9 | Suối Đák Giét | Xã Đák Tờ Lùng | Thôn 1, xã Đák Tờ Lùng | Thôn 1, xã Đák Tờ Lùng | 1.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 10 | Sông Đák Snghe | Xã Đák Tờ Lùng | Giáp xã Đák Kôi | Giáp đầu đoàn suối Đák Ne | 3.21 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 11 | Sông Đák Ne | Xã Đák Tờ Lùng | Giáp đầu đoạn suối Đák Nghé | Thôn 6, xã Đák Tờ Lùng | 9.05 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|------------------|---------------------------|---------------------------|-------|--|--|
| 12 | Sông Đắc Pơ Ne | thị trấn Đắc Rve | Thôn 7, thị trấn Đắc Rve | Thôn 5, thị trấn Đắc Rve | 15.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Sông Đắc Snghe | thị trấn Đắc Rve | Giáp xã Đắc Tờ Lùng | Giáp đầu đoàn suối Đắc Ne | 4.85 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối Măng Ke | thị trấn Đắc Rve | Phía bắc thị trấn Đắc Rve | Giáp suối Đắc Nghe | 6.61 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Sông Đắc Ne | Xã Tân Lập | Giáp thị trấn Đắc Rờ ve | Thôn 1, xã Tân Lập | 9.13 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Sông Đắc Snghe | Xã Tân Lập | Thôn 3, xã Tân Lập | Thôn 1, xã Tân Lập | 5.26 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Sông Đắc Pơ Ne | Xã Tân Lập | Thôn 5, xã Tân Lập | Thôn 1, xã Tân Lập | 21.32 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đắc Trôi | Xã Tân Lập | Thôn 5, xã Tân Lập | Thôn 5, xã Tân Lập | 1.66 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối Đắc A Đni El | Xã Tân Lập | Thôn 6, xã Tân Lập | Thôn 6, xã Tân Lập | 5.92 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Sông Đắc Pơ Ne | Xã Đắc Pne | Thôn 4, xã Đắc Pne | Thôn 1, xã Đắc Pne | 30.07 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số |

| | | | | | | | |
|----|------------------|--------------|--------------------------|--------------------------|-------|--|---|
| | | | | | | | 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Đăk Loong | Xã Đăk Pnê | Thôn 2, xã Đăk Pnê | Thôn 1, xã Đăk Pnê | 12.62 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Suối Đăk Pui | Xã Đăk Pnê | Thôn 3 xã Đăk Pnê | Thôn 2 xã Đăk Pnê | 11.68 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Suối Đăk Pơ Ne 1 | Xã Đăk Pnê | Thôn 2, xã Đăk Pnê | Thôn 2, xã Đăk Pnê | 8.66 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 24 | Suối Đăk Pơ Ne 2 | Xã Đăk Pnê | Thôn 2, xã Đăk Pnê | Thôn 2, xã Đăk Pnê | 2.29 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Sông Đăk Snghe | Xã Đăk Ruông | Thôn 13, xã Đăk Ruông | Kon Sơ Kôi, xã Đăk Ruông | 5.25 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Sông Đăk Bla | Xã Đăk Ruông | Kon Sơ Kôi xã Đăk Ruông | Thôn 14, xã Đăk Ruông | 15.64 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Suối Đăk Rung U | Xã Đăk Ruông | Thôn 12, xã Đăk Ruông | Thôn 12, xã Đăk Ruông | 4.38 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Sông Đăk Bla | Xã Đăk Tờ Re | Thôn 1, 12, xã Đăk Tờ Re | Thôn 10, xã Đăk Tờ Re | 27.86 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|----------------|--------------|--------------------------|--------------------------------|---------------|--|---|
| 29 | Sông Đăk Poe | Xã Đăk Tô Re | Giáp xã Đăk Ruông | Gập suối Đăk Bla, xã Đăk Tô Re | 10.67 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Đăk Lang | Xã Đăk Tô Re | Thôn 1, 2, xã Đăk Tô Re | Thôn 1, 2, xã Đăk Tô Re | 1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 31 | Suối Đăk Plich | Xã Đăk Tô Re | Thôn 9, 10, xã Đăk Tô Re | Thôn 9, 10, xã Đăk Tô Re | 10.42 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 338.07 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| STT | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|---------------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|--|-------------------------|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa nước thủy điện ĐăkBla 1 | xã Đăk Ruông | 1536 | 4.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty TNHH Trung Việt |
| Tổng | | | 1536 | 4.6 | | | |

IV. Địa bàn huyện Đăk Hà

1. Danh mục sông, suối

| ST T | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Vị trí | | Chiều dài (km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|------|----------------|------------------------|-------------|------------|----------------|---|--|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Đăk Pxi | Xã Đăk Pxi xã Đăk Long | Xã Đăk Long | xã Đăk Pxi | 68.3 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------------|------|---|--|
| 2 | Suối Đăk Vet | Xã Đăk Pxi | thôn 5 | Thôn 5 | 9.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối thôn 2 | Xã Đăk Long | Thôn 2 | Thôn 2 | 6.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đăk Hring | Xã Đăk Long xã Đăk Hring | Thôn 7, xã Đăk Hring | Đất công ty cafe Đăk Uy | 35 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Đăk Sai | Xã Đăk Ui | Thôn 1 | Ngã ba suối | 4.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Đăk Bi Ong | Xã Đăk Ui | Thôn 3 | Thôn 7 | 10.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 7 | Suối Đăk Uy | Xã Đăk Ui | Ngã ba suối | Đầu đập | 9 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối Đăk Uy | Xã Đăk Ui xã Ngọc Wang | Cuối đập | Hết địa giới | 5.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Suối Thôn Kon Stiêu | Xã Ngọc Réo | Ngã ba suối | Thôn Kon Stiêu | 3.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Đăk Cấm | Xã Ngọc Réo | Đập tràn | Ngã ba cuối | 17.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Đăk Kom | Xã Ngọc Réo | Ngã ba đầu suối | Ngã ba cuối | 6.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đăk Pret | Xã Ngọc Réo | Thôn Kon Króc | Thôn Kon Króc | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối Đăk Joong | Xã Ngọc Réo | đất nông nghiệp | Thôn Kon Jong | 7.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lún chiếm đất ven | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số |

| | | | | | | nguồn nước | 43/2015/ND-CP) |
|----|----------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------|------|---|---|
| 14 | Suối Đăk Ta | Xã Ngọc Réo | Đất nông nghiệp | Ngã ba cuối | 1.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 15 | Suối Đăk Tía | Xã Ngọc Réo | Đất nông nghiệp | Ngã ba cuối | 1.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 16 | Suối Đăk Gu | Xã Ngọc Wang | Đầu nguồn | Đầu đập tràn | 7.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 17 | Suối Đăk Kơ La | Xã Ngọc Wang | Đầu đập tràn | Cuối suối | 12.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 18 | Suối thôn 2 | Xã Ngọc Wang | Thôn 1 | Thôn 2 | 5.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 19 | Suối thôn 2 | Xã Ngọc Wang | Đất SXNN | Thôn 2 | 5.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 20 | Suối Đăk Hmar | Xã Đăk Mar | Đầu đập | Thôn 1 | 9 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 21 | Suối Đăk Hman | Xã Đăk Mar Thị trấn Đăk Hà | Đất sản xuất nông nghiệp | Hết địa giới | 11.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 22 | Suối Đăk Uy | Thị trấn Đăk Hà | Đầu địa giới | Ngã ba suối thôn 12 | 20.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 23 | Suối TDP7 | Thị trấn Đăk Hà | Hồ chứa | TDP 7 | 4.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| 24 | Suối Đăk Cle | xã Đăk La | Ngã ba suối | Thôn Yang | 11 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số |

| | | | | | | | |
|-------------|-------------|-----------|------------|--------------|--------------|---|--|
| | | | | Ron | | nguồn nước | 43/2015/ND-CP) |
| 25 | Suối Đăk La | xã Đăk La | Đập Đăk La | Hết địa giới | 23.5 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| Tổng | | | | | 301.4 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| ST T | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|---|---|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ Đăk Psi 5 | xã Đăk Pxi | 638.5 | 2.4 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty cổ phần Thủy Điện Đức Thành - Gia Lai |
| Hồ Thủy lợi | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa Đăk Uy | Xã Đăk Ngọc | 8970 | 30 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 2 | Hồ chứa Đăk Loh | Xã Ngọc Wang | 2300 | 4.15 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 3 | Hồ chứa Cà Sấm | Xã Đăk La | 430 | 1.29 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 4 | Hồ chứa Đăk Trít | Xã Đăk La | 1500 | 1.48 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 5 | Hồ chứa Đăk Prông (ĐH) | Xã Đăk Ui | 670 | 2.22 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |

| | | | | |
|-------------|----------------|--------------|--|--|
| Tổng | 14508.5 | 41.54 | | |
|-------------|----------------|--------------|--|--|

V. Địa bàn huyện Đắk Tô

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Vị trí | | Chiều dài (km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|-----------------|--|--------------------------------|-------------------|----------------|---|---|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Pô Kô | Các xã: Đắk Rơ Nga, Ngọc Tụ, Tân Cảnh, Diên Bình, Pô Kô và thị trấn Đắk Tô | Xã Đắk Rơ Nga | Xã Pô Kô | 62.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Sông Đắk Tô Kan | Thị trấn Đắk Tô và các xã: Kon Đào, Ngọc Tụ, Đắk Trâm | Xã Đắk Trâm | Thị trấn Đắk Tô | 51.4 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đắk Rơ Nu | Xã Kon Đào và thị trấn Đắk Tô | Xã Kon Đào | Thị trấn Đắk Tô | 24.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đắk Di Ram | Xã Đắk Trâm | Thôn Đắk Hà | Thôn Đắk Mông | 13.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Đắk Tăng | Các xã: Đắk Trâm và Văn Lem | Ngã ba suối tại xã Văn Lem | Thôn Măng Rưng | 8.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Sông Đắk Pxi | Xã Diên Bình | Địa giới hành chính xã, thôn 5 | Ngã ba sông Pô Kô | 17 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|---|---------------------------------|--------------------------------|------|---|---|
| 7 | Suối Đăk Rơ Nga | Các xã: Ngọc Tụ, Đăk Rơ Nga, Tân Cảnh | Xã Đăk Rơ Nga | Xã Ngọc Tụ | 15 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối Đăk Sing | Các xã: Văn Lem, Kon Đào và thị trấn Đăk Tô | Xã Văn Lem | Thị trấn Đăk Tô | 26.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Suối Tea Po To | Xã Văn Lem | Ngã ba suối, thôn Măng Rương | Suối Đăk Tăng, thôn Măng Rương | 2.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Tea Lệ | Xã Văn Lem | Ngã ba suối, thôn Tê Pen | Suối Đăk Sing, Thôn Đăk Sing | 2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Đăk Mạnh | Xã Đăk Rơ Nga | Thôn Đăk Dé | Thôn Đăk Mạnh 1 | 8.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đăk Sai | Xã Ngọc Tụ | Chân đập thủy điện thôn Đăk Chờ | Thôn Đăk Chờ | 3.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối P Ló | Xã Đăk Trăm | Ngã ba suối, thôn Đăk Rô Gia | Sông Đăk Tô Kan | 1.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối Đăk H Nghe | Xã Đăk Trăm | Thôn Đăk Rô Gia | Sông Đăk Tô Kan | 2.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Suối Tea Heng | Xã Văn Lem | Thôn Đăk Xanh | Suối Đăk Sing, Thôn Đăk Sing | 1.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | CP) |
|-------------|----------------|-----------------|---------------------|-----------------|--------------|---|---|
| 16 | Suối Hồ Sen | Thị trấn Đăk Tô | Ngã ba suối, khối 4 | Sông Đăk Tô Kan | 4.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 10m (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Suối Đăk Trí | Xã Pô Kô | Thôn Kon Tu Pen | Sông Pô Kô | 3.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đăk Na | Xã Pô Kô | Thôn Kon Tu Dốp | Sông Pô Kô | 6.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối H Róm | Xã Pô Kô | Kon Tu Dốp 2 | Kon Tu Dốp 2 | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Đá | Xã Diên Bình | Ngã ba suối, thôn 5 | Sông Đăk Pxi | 3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Hải Đường | Xã Tân Cảnh | Thôn 1 | Sông Pô Kô | 3.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 263.5 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| ST T | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|-----------------------------|-------------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|--|---|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa thủy điện Đăk Pô Kô | Các xã: Pô Kô, Tân Cảnh | 1732 | 4.94 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển điện năng Đức Long Gia Lai |

| Hồ thủy lợi | | | | | | | |
|-------------|--------------------|-------------|-------------|--------------|---|--|---|
| 1 | Hồ chứa Đăk Rơn Ga | Xã Tân Cảnh | 4950 | 6.65 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| Tổng | | | 6682 | 11.59 | | | |

VI. Địa bàn huyện Tu Mơ Rông

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Vị trí | | Chiều dài (km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|----------------|---------------------|-----------------|----------------|----------------|---|--|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Đăk Na | Xã Đăk Na | Thôn Đăk Rê 1 | Thôn Đăk Rê 2 | 5.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Suối Tác Lãng | Xã Đăk Na | Thôn Đăk Rê 1 | Thôn Kon Sang | 2.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Tác Lãng | Xã Đăk Na | Thôn Ha Lãng 1 | Thôn Ha Lãng 1 | 2.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đăk Na | Xã Đăk Na | Thôn Đăk Rê 2 | Thôn Kon Chai | 14.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Đăk Trang | Xã Đăk Na | Thôn Đăk Riếp 2 | Thôn Mỏ Panh 1 | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Đăk Nai | Xã Đăk Na | Thôn Đăk Riếp 2 | Thôn Kon Chai | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | CP) |
|----|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------|---|--|
| 7 | Suối Đăk Gách | Xã Đăk Na | Thôn Pa Han | Thôn Pa Han | 1.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối Kon Chai | Xã Đăk Na | Thôn Kon Chai | Thôn Lê Văng | 1.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Suối Lê Văng | Xã Đăk Na | Thôn Kon Chai | Thôn Lê Văng | 1.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Sông Đăk Lế | Xã Đăk Sao | Thôn Đăk Rê 2 | Thôn Năng Lớn 1 | 17.5 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Đăk Rang | Xã Đăk Sao | Thôn Rạch Nhỏ 2 | Thôn Rạch Nhỏ 2 | 8.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đăk Tul | Xã Đăk Sao | Thôn Rạch Nhỏ 2 | Thôn Kon Cung | 13.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối Năng Lớn 3 | Xã Đăk Sao | Thôn Rạch Nhỏ | Thôn Năng Lớn 3 | 1.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối Năng Nhỏ 1 | Xã Đăk Sao | Thôn Rạch Nhỏ 2 | Thôn Năng Lớn 1 | 2.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|------|---|--|
| 15 | Suối Đak H Rát | Xã Đak Rơ Ông | Thôn Kon Hia 1 | Thôn Kon Hia 2 | 6.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Suối Kon Hia 2 | Xã Đak Rơ Ông | Thôn Kon Hia 2 | Thôn Kon Hia 2 | 2.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Sông Đak Tô Kan | Xã Đak Rơ Ông | Đất nông nghiệp thôn Kon Hia 3 | Thôn Mô Bành | 14.4 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đak Ting | Xã Đak Rơ Ông | Thôn Măng Lỡ | Đất nông nghiệp thôn Măng Lỡ | 8.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối Đak Tem | Xã Đak Rơ Ông | Thôn Đak Plô | Đất nông nghiệp thôn Đak Plô | 1.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Đak Hri | Xã Đak Rơ Ông | Thôn Ngọc Năng | Thôn Ngọc Năng | 2.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Đak Rin | Xã Đak Rơ Ông | Đất nông nghiệp thôn Mô Bành | Thôn Mô Bành | 3.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Sông Đak Tô Kan | Xã Đak Tô Kan | Thôn Đak Trắng | Thôn Kon Hnông | 12.2 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Suối Đak Trắng | Xã Đak Tô Kan | Thôn Đak Trắng | Thôn Đak Trắng | 1.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | CP) |
|----|------------------|---------------|----------------------------------|------------------|------|---|---|
| 24 | Suối Đăk Ho Rông | Xã Đăk Tô Kan | Đất nông nghiệp thôn Tê Xô Ngoài | Thôn Tê Xô Ngoài | 5.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Suối Đăk Tia | Xã Đăk Tô Kan | Thôn Tê Xô Ngoài | Thôn Tê Xô Trong | 7.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Suối Đăk Nông | Xã Đăk Tô Kan | Thôn Đăk Nông | Thôn Đăk H Năng | 2.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Suối Đăk Rông | Xã Đăk Tô Kan | Thôn Đăk Rông | Thôn Đăk Rông | 3.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Suối Đăk Rông | Xã Đăk Tô Kan | Thôn Đăk Rông | Thôn Kon H Nông | 2.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối Kon H Nông | Xã Đăk Tô Kan | Thôn Kon H Nông | Thôn Kon H Nông | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Kon Pia | Xã Đăk Hà | Thôn Kon Pia | Thôn Kon Pia | 4.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 31 | Suối Đăk Ten | Xã Đăk Hà | Thôn Ngọc Leng | Thôn Ty Tu | 18.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|------------|--------------------------------|--------------------|------|---|--|
| 32 | Suối Đăk Trang | Xã Đăk Hà | Đất nông nghiệp thôn Đăk Xiêng | Thôn Đăk Xiêng | 3.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 33 | Suối Kon Kseng | Xã Đăk Hà | Thôn Đăk Hà | Thôn Đăk Hà | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 34 | Suối Đăk Pxi | Xã Măng Ri | Thôn Long Hy 2 | Gặp suối Đăk Chiêu | 9.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 35 | Suối Long Hy 2 | Xã Măng Ri | Thôn Long Hy 2 | Thôn Long Hy 2 | 1.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 36 | Suối Trung Tam | Xã Măng Ri | Thôn Trung Tam | Thôn Long Hy 2 | 1.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 37 | Suối Long Nái | Xã Măng Ri | Thôn Long Hy 1 | Thôn Long Nái | 1.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 38 | Suối Đăk Ta Xi Poar | Xã Măng Ri | Thôn Long Nái | Thôn Đăk Đơn | 3.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 39 | Suối Đăk Póc | Xã Măng Ri | Thôn Pù Tá | Thôn Ngọc Lan 2 | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 40 | Sông Đăk PXi | Xã Tê Xăng | Thôn Pù Tá | Ngã ba địa giới | 16.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | CP) |
|----|--------------------|---------------|--------------------|-------------------------|------|---|---|
| 41 | Suối Đăk Viên | Xã Tê Xăng | Thôn Đăk Viên | Sông Đăk Pxi | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 42 | Suối Tư Thố | Xã Tê Xăng | Sông Đăk Pxi | Thôn Tư Thố | 4.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 43 | Suối Đăk Sông | Xã Tê Xăng | Thôn Đăk Sông | Thôn Đăk Sông | 2.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 44 | Suối Đăk Lèng | Xã Tê Xăng | Cầu Đăk Chum | Cầu Đăk Chum | 1.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 45 | Suối Đăk Lèng | Xã Ngọc Lây | Thôn Lạc Bông | Địa giới | 19.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 46 | Suối Đăk Tâm R'Nga | Xã Ngọc Lây | Thôn Đăk Kinh 2 | Giao điểm suối Đăk Lèng | 8.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 47 | Suối Đăk Ngờm | Xã Ngọc Lây | Thôn Đăk Kinh 1A | Ngã ba địa giới | 20.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 48 | Sông Đăk Pxi | Xã Tu Mơ Rông | Thôn Đăk Chum 2 | Đất Nông nghiệp | 3.0 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 49 | Suối Long Leo | Xã Tu Mơ Rông | Giao điểm sông Đăk | Thôn Long Leo | 2.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 |

| | | | Pxi | | | ven nguồn nước | Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
|----|-----------------|---------------|------------------------|------------------------|------|---|---|
| 50 | Suối Tu Mơ Rông | Xã Tu Mơ Rông | Thôn Long Leo | Thôn Tu Mơ Rông | 8.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 51 | Suối Đăk Xê | Xã Tu Mơ Rông | Thôn Đăk Neng | Giao điểm sông Đăk Pxi | 10.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 52 | Sông Đăk Pxi | Xã Tu Mơ Rông | Xã Tu Mơ Rông | Xã Văn Xuôi | 3.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 53 | Sông Đăk Pxi | Xã Văn Xuôi | Xã Tu Mơ Rông | Xã Văn Xuôi | 3.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 54 | Sông Đăk Pxi | Xã Văn Xuôi | Thôn Đăk Chum 2 | Đất Nông nghiệp | 3.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 55 | Suối Đăk Trang | Xã Văn Xuôi | Thôn Đăk Văn 3 | Giao điểm sông Đăk Pxi | 8.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 56 | Suối Ba Khen | Xã Văn Xuôi | Thôn Ba Khen | Thôn Đăk Văn 2 | 5.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 57 | Suối Đăk Pca | Xã Văn Xuôi | Giao điểm sông Đăk Pxi | Thôn Long Trơ | 3.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 58 | Suối Đăk Trím | Xã Ngọc Yêu | Thôn Long Lẫy | Thôn Tam Rim | 14.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 |

| | | | | | | | |
|-------------|--------------|-------------|-----------------|--------------|--------------|---|---|
| | | | 2 | | | ven nguồn nước | Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 59 | Suối Ba Tư 3 | Xã Ngọc Yêu | Đất Nông nghiệp | Thôn Ba Tư 3 | 4.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 349.2 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| ST T | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|-------------------|---------------------|------------------------------|-----------------------------------|---|--|---|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Đăk Psi 4 | xã Đăk Hà | 267.2 | 1.79 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty CP Đầu tư & Phát triển thủy điện Đăk Psi |
| 2 | Đăk Psi 3 | xã Đăk Hà | 349.8 | 3.53 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty CP Đầu tư & Phát triển thủy điện Đăk Psi |
| Hồ thủy lợi | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa Đăk Hnia | Xã Đăk Tô Kan | 610 | 1.35 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 2 | Hồ chứa Đăk Trang | Xã Đăk Rơ Ông | 670 | 1.20 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| Tổng | | | 1,897 | 7.87 | | | |

VII. Địa bàn huyện Ngọc Hồi

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Vị trí | | Chiều dài (km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|----------------|---------------------|----------|-----------|----------------|-----------------------------|--------------------------|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |

| | | | | | | | |
|----|---------------------|-------------|----------------------|----------------------------|------|---|--|
| 1 | Sông Pô Kô | Xã Đăk Ang | Làng Ja Tun | Thôn Chá Nội - xã Đăk Nông | 28.7 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Suối Đăk Meah | Xã Đăk Ang | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 3.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đăk Piu | Xã Đăk Ang | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 8.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối thôn Đăk Giá 2 | Xã Đăk Ang | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 6.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Sông Pô Kô | Xã Đăk Dục | Thôn Long Dồn | Điểm giáp xã Đăk Nông | 8.2 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Đăk Kéo | Xã Đăk Dục | Thôn Chá nhày | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 10.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 7 | Suối Đăk Vai | Xã Đăk Dục | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 19.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Đăk Rơ Linh | Xã Đăk Dục | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 14.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Sông Pô Kô | Xã Đăk Nông | Điểm giáp xã Đăk Dục | Thôn Chá Nội | 10.4 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Đăk Pit | Xã Đăk Nông | Hồ Đăk Giang | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 9.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|-------------------|--|------------------------------|------|---|--|
| 11 | Suối Đăk Hơ Na | Xã Đăk Nông | Thôn Tà Pók | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 5.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đăk Trui | Xã Đăk Nông | Ngã ba suối | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 7.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối Đăk Peang | Xã Đăk Nông | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 4.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối thôn Chá Nội | Xã Đăk Nông | Đất Nông nghiệp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 5.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Sông Pô Kô | Thị trấn Plei Kần | Thôn Chá Nội | Điểm giáp xã Đăk Kan | 12.7 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Suối Thôn 6 | Thị trấn Plei Kần | Ngã ba địa giới thị trấn, Đăk Xú, Đăk Nông | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 7.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Suối Đăk Tráp | Thị trấn Plei Kần | Đập Đăk Tráp | Điểm hợp thủy sông Pô Kô | 7.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đăk Kal | Thị trấn Plei Kần | Ngã ba địa giới thị trấn, Đăk Xú, Đăk Kan | hết đất sản xuất nông nghiệp | 0.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|----------------|------------|---|------------------------------|------|---|--|
| 19 | Suối Phi Pháp | Xã Đăk Xú | Hồ Thủy Lợi | đất sản xuất nông nghiệp | 3.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Thung Nai | Xã Đăk Xú | Thôn Thung Nai | Thôn Thung Nai | 3.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối Đăk Đral | Xã Bờ Y | Hồ Đăk Hniêng | Ngã ba địa giới 3 xã | 14.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Suối Đăk Niang | Xã Bờ Y | Hồ Bờ Y | Hồ Đăk Hniêng | 13.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Suối Đăk Kal | Xã Đăk Kan | Ngã ba địa giới thị trấn, Đăk Xú, Đăk Kan | hết đất sản xuất nông nghiệp | 0.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 24 | Suối Thôn 2 | Xã Đăk Kan | Thôn 2, xã Đăk Kan | Điểm hợp thủy sông Đăk Kal | 3.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Suối Đăk Kal | Xã Đăk Kan | Giáp Địa giới xã Sa Loong | Thôn 2, xã Đăk Kan | 9.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Suối Đăk Klong | Xã Đăk Kan | Giáp Địa giới xã Sa Loong | Thôn 2, xã Đăk Kan | 11.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|----------------|-------------|--|---|--------------|---|---|
| 27 | Suối Đăk Hnang | Xã Đăk Kan | Ngã ba địa giới xã Bờ Y, Đăk Xú, Đăk Kan | Ngã ba địa giới thị trấn, Đăk Xú, Đăk Kan | 15.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Suối Tân Bình | Xã Đăk Kan | Thôn Tân Bình | Thôn Tân Bình | 8.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối Đăk Dral | Xã Sa Loong | Đất sản xuất nông nghiệp (giáp ranh xã Bờ Y) | Giáp Địa giới xã Đăk Kan | 7.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Đăk Klông | Xã Sa Loong | Đất Nông nghiệp | Giáp Địa giới xã Đăk Kan | 38.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 299.8 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| ST T | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích lưu vực (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|--------------------|----------------------|---------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---|---|---|
| Hồ thủy lợi | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa Đăk Hơ Niêng | Xã Bờ Y | 28 | 1.27 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 2 | Hồ chứa Đăk Hơ Na | Xã Đăk Nông | 4.1 | 2.05 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| 3 | Hồ chứa Đăk Kan | Xã Sa Loong | 52 | 2.27 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| Tổng | | | 84.1 | 5.59 | | | |

VIII. Địa bàn huyện ĐắkGlei

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Vị trí | | Chiều dài (km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|---------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------|---|---|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Đắk Mỹ | Xã Đắk Plô | Thôn Lau Mung | Đất nông nghiệp thôn Bung Kong | 20.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Suối Đắk Pam | Xã Đắk Plô | Thôn Đắk Bók | Thôn Đắk Bók | 8.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đắk Ra | Xã Đắk Plô | Thôn Bung Tôn | Thôn Bung Kong | 6.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đắk Sé | Xã Đắk Man | Đất Nông nghiệp | Thác Đắk Chè Zom | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối thôn Măng Khên | Xã Đắk Man | Thôn Măng Khên | Thôn Măng Khên | 2.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối thôn Đông Lóc | Xã Đắk Man | Thôn Đông Lóc | Thôn Đông Lóc | 1.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 7 | Suối Đắk Man | Xã Đắk Man | Ngã ba suối | Gặp suối Pô Kô | 13.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối thôn Đông Nay | Xã Đắk Man | Núi Ngok Pra | Gặp suối Đắk Man | 3.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Sông Pô Kô | Xã Đắk Man | Giao điểm với suối Đắk Man | Góc ngoặt địa giới | 2.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|----------------|----------------------------|------------------------------|------|---|---|
| 10 | Sông Đăk Mỹ | Xã Đăk Chông | Ngã ba suối | Địa giới giáp xã Mường Hoong | 28.0 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Đăk Rờ Nét | Xã Đăk Chông | Ngã ba suối | Đất nông nghiệp | 12.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Sông Đăk Choong | Xã Đăk Chông | Ngã ba suối | Địa giới giáp xã Xã Xốp | 16.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối thôn Đăk Glci | Xã Đăk Chông | Ngã ba suối | Hồ Đăk Tin | 4.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Sông Đăk Choong | Xã Đăk Chông | Địa giới giáp xã Xã Xốp | Thôn Long Rì | 16.0 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Suối Đăk Thiang | Xã Đăk Chông | Ngã ba suối | Đất nông nghiệp | 2.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Sông Đăk Mỹ | Xã Mường Hoong | Địa giới giáp xã Đăk Chông | Địa giới giáp xã Ngọc Linh | 19.0 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Suối Làng Đung | Xã Mường Hoong | Thôn Làng Đung | Thôn Làng Đung | 2.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 18 | Suối Đăk Bê | Xã Mường Hoong | Thôn Đăk Bê | Thôn Đăk Bê | 1.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 19 | Suối Đăk Môm | Xã Mường Hoong | Thôn Tu Chiêu A | UBND xã | 11.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|--------------------|----------------|------------------------------|--------------------------|------|---|--|
| 20 | Suối thôn Rèo Lang | Xã Mường Hoong | Thôn Rèo Lang | Thôn Rèo Lang | 3.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 21 | Suối thôn Xa Úa | Xã Mường Hoong | Thôn Xa Úa | Thôn Xa Úa | 4.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Suối thôn Tân Túc | Xã Mường Hoong | Ngã ba suối | Khu bảo tồn Ngọc Linh | 3.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Sông Đăk Mỹ | Xã Ngọc Linh | Địa giới giáp xã Mường Hoong | Thôn Lê Toàn | 13.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 24 | suối Đăk Vay | Xã Ngọc Linh | Thôn Lê Toàn | Thôn Lê Toàn | 1.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 25 | Suối Đăk Doa | Xã Ngọc Linh | Thôn Tân Rát | Thôn Lê Ngọc | 4.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Suối Đăk Đoan | Xã Ngọc Linh | Thôn Đăk Ta | Thôn Kung Brang | 6.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Suối thôn Tu Út | Xã Ngọc Linh | Ngã ba suối | Thôn Tu Út | 2.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Sông Đăk Pru | Xã Đăk Nhoong | Thôn Đăk Nớ | Địa giới giáp xã Đăk Pék | 35.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối thôn Đăk Nớ | Xã Đăk Nhoong | Đất Nông nghiệp | Thôn Đăk Nớ | 5.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Suối Đăk Lút | Xã Đăk Nhoong | Đất Nông nghiệp | Giao điểm suối Đăk Rol | 10.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|----------------|---------------|--------------------------|------------------------|------|---|--|
| 31 | Suối Đăk Rol | Xã Đăk Nhoong | Đất Nông nghiệp | Giao điểm suối Đăk Pru | 6.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 32 | Suối Đăk Lót | Xã Đăk Nhoong | Ngã ba suối | Giao điểm suối Đăk Rol | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 33 | Suối Đăk Brót | Xã Đăk Nhoong | Ngã ba địa giới | Đất nông nghiệp | 9.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 34 | Suối Đăk Long | Xã Đăk Long | Địa giới giáp xã Đăk Môn | Gần Đất Quân sự | 55.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 35 | Suối Đăk B'Lok | Xã Đăk Long | Thôn Đăk Ông | Thôn Đăk Át | 6.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 36 | Suối Đăk Tu | Xã Đăk Long | Đất Nông nghiệp | Thôn Vai Trang | 7.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 37 | Suối Đăk Giao | Xã Đăk Long | Thôn Mang Tách | Thôn Duệ Lang | 8.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 38 | Sông Pô Kô | Xã Đăk Pék | Địa giới giáp xã Đăk Man | Thôn 14B | 19.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 39 | Suối Đăk Ta | Xã Đăk Pék | Đất Nông nghiệp | Thôn 14B | 17.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 40 | Suối Đăk Ven | Xã Đăk Pék | Thôn Đăk Ven | Thôn Đăk Ven | 1.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 41 | Suối Măng Rao | Xã Đăk Pék | Thôn Măng Rao | Thôn 14B | 5.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|----------------|-------------------|-----------------------------|------------------|------|---|--|
| 42 | Suối Đak Pao | Xã Đak Pék | Thôn Măng Rao | Suối Đak Pru | 2.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 43 | Suối Đak Pao | Xã Đak Pék | Thôn Măng Rao | Suối Đak Pru | 1.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 44 | Suối Đak Brót | Xã Đak Pék | Ngã ba địa giới | Gặp sông Đak Pru | 2.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 45 | Sông Đak Pru | Xã Đak Pék | Địa giới giáp xã Đak Nhoong | Ngã ba suối | 7.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 46 | Suối Đak Nọi | Xã Đak Pék | Đất Nông nghiệp | Thôn Đak Doát | 4.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 47 | Sông Pô Kô | Thị trấn Đak Glei | Thôn Đông Thượng | Thôn Đak Nang | 24.2 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 48 | Sông Đak Pru | Thị trấn Đak Glei | Ngã ba suối | Gặp sông Pô Kô | 9.8 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 49 | Suối Đak Druôi | Thị trấn Đak Glei | Đất Nông nghiệp | Gặp sông Pô Kô | 17.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 50 | Suối Đak Tung | Thị trấn Đak Glei | Ngã ba suối | Thôn Đak Tung | 2.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 51 | Sông Pô Kô | Xã Đak Kroong | Thôn Đak Nang | Thôn Đak Sút | 21.5 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 52 | Suối Đak Pao | Xã Đak Kroong | Đất Nông nghiệp | Thôn Đak Wák | 6.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|--------------------|---------------|---------------------------|-------------------------|--------------|---|--|
| 53 | Suối Đăk Mái | Xã Đăk Kroong | Đất Nông nghiệp | Thôn Đăk Gô | 12.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 52 | Suối Đăk Mar | Xã Đăk Kroong | Đất Nông nghiệp | Thôn Đăk Gô | 8.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 53 | Suối Đăk Brol | Xã Đăk Kroong | Đất Nông nghiệp | Thôn Đăk Túc | 8.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 54 | Sông Pô Kô | Xã Đăk Môn | Thôn Đăk Sút | Thôn Đăk Giá 1 | 15.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | = 20m (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 55 | Suối Đăk Long | Xã Đăk Môn | Địa giới giáp xã Đăk Long | Thôn Đăk Giá 1 | 18.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 56 | Suối Đăk Lôi | Xã Đăk Môn | Đất Nông nghiệp | Thôn Đăk Xam | 12.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 57 | Suối Đăk Kíc | Xã Đăk Môn | Đất Nông nghiệp | Giao điểm suối Đăk Long | 7.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 58 | Suối thôn Mang Lon | Xã Đăk Môn | UBND xã | Giao điểm suối Đăk Kíc | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 59 | Suối Đăk Trai | Xã Đăk Môn | Đất Nông nghiệp | Giao điểm sông Pô Kô | 5.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 60 | Suối Đăk Tum | Xã Đăk Môn | Đất Nông nghiệp | Giao điểm sông Pô Kô | 4.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 600.3 | | |

IX. Địa bàn huyện Sa Thầy

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Đoạn sông | | Chiều dài (Km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|----------------|---------------------|---|---|----------------|--|---|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |
| 1 | Sông Đắk Sĩa | Xã Rờ Kơi | Đập Đắk Sĩa, xã Rờ Kơi | Giáp thôn Nhon Bình, xã Sa Nhon | 36.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Suối Đắk Plom | Xã Rờ Kơi | Tiểu khu 6, xã Rờ Kơi | Thôn Kram, xã Rờ Kơi | 9.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Đắk Char | Xã Rờ Kơi | Thôn Rờ Kơi, xã Rờ Kơi | Thôn Kram, xã Rờ Kơi | 8.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Đắk Lãng | Xã Rờ Kơi | Thôn Gia Xiêng, xã Rờ Kơi | Sông Đắk Sĩa, thôn Gia Xiêng, xã Rờ Kơi | 3.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối Broa | Xã Rờ Kơi | Thôn Gia Xiêng, xã Rờ Kơi | Giáp sông Đắk Sĩa, xã Rờ Kơi | 7.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Đắk Hrai | Xã Rờ Kơi | Trạm quản lý bảo vệ rừng Đắk Tao, xã Rờ Kơi | Giáp làng Rê, xã Mô Rai | 29.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |
| 7 | Sông Đắk Sĩa | Xã Sa Nhon | Thôn Nhon Bình, xã Sa Nhon | Thôn Nhon An, xã Sa Nhon | 20.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|------------------|------------------|----------------------------|---------------------------------------|------|--|---|
| 8 | Suối Đắc Soa | Xã Hơ Moong | Thôn Đắc Wok, xã Hơ Moong | Giáp với thủy điện Ia Ly, xã Hơ Moong | 8.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 9 | Sông Đắc Sia | Xã Sa Nghĩa | Thôn Hòa Bình, xã Sa Nghĩa | Thôn Nghĩa Long, xã Sa Nghĩa | 5.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Nước Ngọt | Xã Sa Nghĩa | Đập Nước Ngọt, xã Sa Nghĩa | Thôn Anh Dũng, xã Sa Nghĩa | 4.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Ia Rai | Xã Sa Sơn | Làng Ba ĐGốc, xã Sa Sơn | Làng Chốt, thị trấn Sa Thầy | 29.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Đắc Rơ Ngao | Xã Sa Sơn | Thôn 1, xã Sa Sơn | Thôn 2, xã Sa Sơn | 6.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 13 | Suối Ya Di Tri | Xã Sa Sơn | Thôn 2, xã Sa Sơn | Làng Chốt, thị trấn Sa Thầy | 7.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Sông Đắc Sia | Thị trấn Sa Thầy | Làng Kđư, TT. Sa Thầy | Làng Kleng, TT. Sa Thầy | 6.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 10m (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Suối Đắc Rơ Ngao | Thị trấn Sa Thầy | Thôn 2, xã Sa Sơn | Thôn 3, TT. Sa Thầy | 6.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Suối Ya Di Tri | Thị trấn Sa Thầy | Thôn 2, xã Sa Sơn | Làng Chốt, thị trấn Sa Thầy | 7.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|---------------|-----------|--|--|------|--|---|
| | | | | | | | 43/2015/NĐ-CP) |
| 17 | Suối Đăk Hrai | Xã Mô Rai | Làng Rê, xã Mô Rai | Trụ sở đội 10, xã Ia Dom, huyện Ia Hdrai | 55.7 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |
| 18 | Suối Ya Lon | Xã Mô Rai | Khu bảo tồn Chu Mom Ray, xã Mô Rai | Làng Le Rơ Mâm, xã Mô Rai | 27.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |
| 19 | Sông Sa Thủy | Xã Mô Rai | Trụ sở đội 10, xã Ia Dom, huyện Ia Hdrai | Suối Cát, xã Mô Rai | 3.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 20 | Suối Cát | Xã Mô Rai | Khu bảo tồn Chu Mom Ray, xã Mô Rai | Sông Sa Thủy, xã Mô Rai | 18.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |
| 21 | Suối Ia Tri | Xã Mô Rai | Suối Ia Wom, xã Mô Rai | Trụ sở đội 10, xã Ia Dom, huyện Ia Hdrai | 30.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 22 | Suối Ia Wom | Xã Mô Rai | Lâm trường Mô Ray 2, xã Mô Rai | Suối Ia Tri, xã Mô Rai | 12.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 23 | Suối Ya Mô | Xã Mô Rai | Khu bảo tồn Chu Mom Ray, xã Mô Rai | Làng Rê, xã Mô Rai | 22.0 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8, điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|-------------|------------------------------------|--------------------------------|------|--|---|
| 24 | Suối Ia Hron | Xã Mô Rai | Khu bảo tồn Chu Mom Ray, xã Mô Rai | Suối Ya Mô, xã Mô Rai | 19.4 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | Theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP |
| 25 | Suối Đắc Mô | Xã Mô Rai | Lâm trường Sa Thầy, xã Mô Rai | Suối Ya Mô, xã Mô Rai | 24.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 26 | Suối Ya Man | Xã Mô Rai | Thủy điện Sê San 3, xã Mô Rai | Lâm trường Sa Thầy, xã Mô Rai | 11.5 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 27 | Sông Đắc Sia | Xã Ya Xiêr | Làng Lung, xã Ya Xiêr | Làng Lung, xã Ya Xiêr | 1.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 28 | Suối Yang Tông | Xã Ya Xiêr | Thôn 1, xã Ya Xiêr | Làng Trang, xã Ya Xiêr | 14.9 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 29 | Suối Ia Rai | Xã Ya Xiêr | Thôn Sơn An, xã Sa Sơn | Làng Lung, xã Ya Xiêr | 3.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 30 | Sông Krông Ba Lah | Xã Ya Tăng | Thủy điện Ya Ly, xã Ya Tăng | Thủy điện Sê San 3, xã Ya Tăng | 16.6 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 31 | Suối Ia Tim | Xã Ya Tăng | Lâm trường Sa Thầy, xã Mô Rai | Hồ Ia Ly, xã Ya Tăng | 10.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 32 | Sông Đắc Sia | Xã Sa Nghĩa | Làng Kleng, TT. Sa Thầy | Hồ Ia Ly, xã Sa Nghĩa | 4.2 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|------------|------------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------|--|---|
| | | | | | | | 43/2015/ND-CP) |
| 33 | Sông Pô Kô | Xã Sa Bình | Thủy điện Plei Kroong, xã Sa Bình | Thôn Bình Giang, xã Sa Bình | 4.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/ND-CP) |
| Tổng | | | | | 478.3 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| STT | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km ²) | Dung tích (triệu m ³) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|------------------------------|--|------------------------------|-----------------------------------|---|---|---|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa thủy điện Sê San 3 | Xã Ya Tăng | 7788 | 92.0 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Công ty thủy điện Ia Ly |
| 2 | Hồ chứa thủy điện Plei Krông | Các xã: Hơ Moong, Sa Nghĩa, Sa Bình | 3216 | 1048.7 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Công ty thủy điện Ia Ly |
| 3 | Hồ chứa thủy điện Ia Ly | Các xã: Sa Bình, Ya Ly, Ya Tăng và Ya Xiêr | 7455 | 1037.1 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Công ty thủy điện Ia Ly |
| Hồ thủy lợi | | | | | | | |
| 4 | Hồ chứa Đăk Prông | Xã Sa Bình | 4.2 | 1.17 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/ND-CP | Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi Kon Tum |
| Tổng | | | 18463.2 | 2179.0 | | | |

X. Địa bàn huyện IaH'Drai

1. Danh mục sông, suối

| STT | Tên sông, suối | Địa giới hành chính | Đoạn sông | | Chiều dài (Km) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ |
|-----|----------------|---------------------|-----------|-----------|----------------|-----------------------------|--------------------------|
| | | | Điểm đầu | Điểm cuối | | | |

| | | | | | | | |
|---|----------------------|-----------|---|---|------|--|---|
| 1 | Sông Ia Tri | Xã Ia Dom | Công ty 78, xã Ia Dom | Trụ sở đội 10, xã Ia Dom | 2.21 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 2 | Sông Sa Thầy | Xã Ia Dom | Trụ sở đội 10, xã Ia Dom | Công ty cổ phần Sa Thầy, xã Ia Dom | 39.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 3 | Suối Cọp | Xã Ia Dom | Đồn biên phòng 709, xã Ia Dom | Giáp với Sông Sa Thầy, xã Ia Dom | 6.82 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 4 | Suối Cát | Xã Ia Dom | Làng Thanh Niên, xã Ia Dom | Trạm Mô Ray, xã Ia Dom | 6.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 5 | Suối làng Thanh Niên | Xã Ia Dom | Làng Thanh Niên, xã Ia Dom | Lâm trường Mô Ray 2, xã Ia Dom | 11.3 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 6 | Suối Ia Tri | Xã Ia Dom | Lâm trường Mô Ray 2, xã Ia Dom | Lâm trường Mô Ray 2, xã Ia Dom | 5.98 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 7 | Sông Sa Thầy | Xã Ia Đal | Giáp Công ty cổ phần Sa Thầy, xã Ia Dom | Giáp Lâm trường Sê San, xã Ia Tri | 8.1 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 8 | Suối Đá | Xã Ia Đal | Công ty cao su 78, xã Ia Đal | Giáp Công ty cổ phần Sa Thầy, xã Ia Tri | 5.56 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|----|-------------------|-----------|--|--|-------|--|---|
| 9 | Sông Sa Thầy | Xã Ia Toi | Công ty cổ phần Sa Thầy, xã Ia Dom | Đôn biên phòng 713, xã Ia Toi | 4.09 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 10 | Suối Ia Dor | Xã Ia Toi | Tiểu khu 740, Lâm trường Sê San, xã Ia Toi | Tiểu khu 758, Lâm trường Sê San, xã Ia Toi | 9.07 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 11 | Suối Ia Mơ Nang | Xã Ia Toi | Lâm trường Sê San, xã Ia Toi | Tiểu khu 751, lâm trường Sê San, xã Ia Toi | 13.34 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 12 | Suối Ia Kơ Rin | Xã Ia Toi | Tiểu khu 741, Lâm trường Sê San, xã Ia Toi | Tiểu khu 751, lâm trường Sê San, xã Ia Toi | 15.72 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 14 | Suối Ia Ba Lech | Xã Ia Toi | Lâm trường Sa Thầy, xã Ia Toi | Tiểu khu 742, lâm trường Sê San, xã Ia Toi | 13.8 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 15 | Sông Sê San | Xã Ia Toi | Tiểu khu 752, lâm trường Sê San, xã Ia Toi | Cao su Đắk Lắk, xã Ia Toi | 15.76 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| 16 | Sông Krông Bơ Lah | Xã Ia Toi | Đường Sê San 3 đi quốc lộ 14C | Tiểu khu 752, lâm trường Sê San | 20.39 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |

| | | | | | | | |
|-------------|-------------|-----------|---------------------------------|------------------------------------|--------------|--|---|
| 17 | Suối Ya Bok | Xã Ia Toi | Tiểu khu 752, lâm trường Sê San | Giáp với suối Ia Kơ Rin, xã Ia Toi | 26.56 | Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước. | = 5m (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP) |
| Tổng | | | | | 204.1 | | |

2. Danh mục hồ chứa

| STT | Tên hồ | Địa giới hành chính | Diện tích (Km2) | Dung tích (triệu m3) | Chức năng bảo vệ nguồn nước | Phạm vi hành lang bảo vệ | Đơn vị quản lý |
|---------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------|----------------------|---|---|--|
| Hồ thủy điện | | | | | | | |
| 1 | Hồ chứa thủy điện Sê San 3A | Xã Ia Toi | 8084 | 80.6 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển thủy điện Sê San 3A |
| 2 | Hồ chứa thủy điện Sê San 4 | Xã Ia Toi | 9326 | 893.3 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty Phát triển thủy điện Sê San |
| 3 | Hồ chứa thủy điện Sê San 4A | Xã Ia Toi | 9.368 | 13.13 | Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước | Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP | Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A |
| Tổng | | | 9326 | 893.3 | | | |